

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thanh.

2. Bà Vi Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNHD ngày 18/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1981. Căn cước công dân số 020181005446, do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công An cấp ngày 28/9/2021. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Phùng Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn L có quan hệ tình cảm, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ truyền thống; sau khi có con chung, mới thực hiện đăng ký kết hôn (Giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/8/2009 tại UBND xã H nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh Hoàng Văn L hay tụ tập rượu chè, sau khi uống rượu lại hay gây sự đánh đập, rồi đuổi chị ra khỏi nhà. Khi anh Hoàng Văn L đánh - đuổi, chị đã báo công an xã và họ đã lập biên bản xử phạt hành chính đối với anh Hoàng Văn L 02 lần. Ngoài ra, việc từ khi kết hôn đến nay anh Hoàng Văn L không chịu đi làm kiếm tiền, một mình chị vất vả làm lụng nuôi con khiến chị không còn niềm tin vào cuộc sống vợ chồng.

Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm nhất là vào tháng 11 năm 2024, khi chị đi làm về anh L lại tiếp tục đánh đuổi, khiến chị không dám về nhà mà phải thuê trọ ở gần công ty để ở, từ đó sống ly thân cho đến nay. Chị Phùng Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn L có 02 người con chung là cháu Hoàng Thị V, sinh ngày 16/01/2003, cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Hoàng Mạnh K, sinh ngày 15/3/2016. Hiện nay cháu Hoàng Mạnh K đang ở cùng bố, khi ly hôn chị yêu cầu anh Hoàng Văn L sẽ nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng, một tháng) đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn L đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành; Tòa án đã tạo điều kiện, cùng đại diện chính quyền địa phương đến tận nhà lấy lời khai, anh Hoàng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị H có thời gian tìm hiểu, lấy nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Từ khi lấy nhau vợ chồng sinh sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung. Tháng 11 năm 2024, chị Phùng Thị H đi làm thuê và không về nhà, không liên lạc, không về nhà ăn tết; vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Việc chị Phùng Thị H viết đơn xin ly hôn, trình bày mâu, anh không phản đối nhưng không nhất trí ly hôn, anh mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh nhất trí theo yêu cầu, đề nghị của chị Phùng Thị H về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung cháu Hoàng Mạnh K; còn cháu Hoàng Thị V đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án; Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị H về việc ly hôn với anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Cháu Hoàng Thị V, sinh ngày 16/01/2003 đã trưởng thành, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh Hoàng Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Mạnh K sinh ngày 15/3/2016 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Phùng Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng một tháng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đến khi đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi

kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lạng Sơn.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, biên bản xác minh mâu thuẫn, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn L trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương.

[4] Chị Phùng Thị H khẳng định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân do anh Hoàng Văn L không chịu làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, bỏ mặc việc nuôi dưỡng chăm sóc con cái cho vợ một mình cáng đáng, chịu trách nhiệm; hay tụ tập, rượu chè, khi uống rượu vào không làm chủ được bản thân, nhiều lần xúc phạm, đánh đuổi vợ ra khỏi nhà; minh chứng là anh Hoàng Văn L đã bị cơ quan công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng kể từ tháng 11 năm 2024, khi chị Phùng Thị H đi làm thuê về bị đuổi đánh nên không dám về nhà và vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi cho đến hiện nay không có sự quan tâm chăm sóc đến nhau trong thời gian dài dẫn đến tình cảm không còn. Kết quả xác minh tại gia đình, người thân của anh Hoàng Văn L đều xác nhận sự việc mâu thuẫn gia đình, ly thân đúng thực tế và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[5] Anh Hoàng Văn L cho rằng, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2024, thì vợ tự ý bỏ đi làm thuê, cắt liên lạc, không về nhà ăn tết; từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn do vợ trình bày, anh không có ý kiến phản đối; việc vợ xin ly hôn, anh Hoàng Văn L không nhất trí ly hôn, tuy nhiên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong một thời gian dài, kể từ khi ly thân bản thân người chồng không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn gia đình, khi vợ khởi kiện xin ly hôn cũng không tích cực phối hợp để hòa giải đoàn tụ gia đình và cũng không đưa ra được căn cứ, biện pháp hóa giải mâu thuẫn, sửa chữa sai lầm để đoàn tụ gia đình.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[7] *Về con chung*: Các đương sự xác định cháu Hoàng Thị V đã trưởng thành nên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tại Biên bản lấy nguyện vọng của con chung, cháu Hoàng Mạnh K có nguyện vọng ở cùng bố, anh Hoàng Văn L có ý kiến trường hợp ly hôn anh xin được quyền nuôi cháu; trong khi đó hiện chị Phùng Thị H đi làm thuê, không có chỗ ở và chị cũng có yêu cầu, đề nghị khi ly hôn giao cháu Hoàng Mạnh K cho anh Hoàng Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng cháu và điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phùng Thị H sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ/tháng (một triệu đồng một tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Phùng Thị H phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

[8] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn xác định không có và các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho chị Phùng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

(Đăng ký kết hôn số 47, ngày 11 tháng 8 năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn)

2. Con chung.

Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Hoàng Thị V, sinh ngày 16/01/2003 (cháu đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết) và cháu Hoàng Mạnh K, sinh ngày 15/3/2016

2.1. Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Mạnh K đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị Phùng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Chị Phùng Thị H có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Mạnh K với số tiền 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng, một tháng); thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp chị Phùng Thị H vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì anh Hoàng Văn L có quyền làm đơn yêu cầu gửi đến cơ quan thi hành án, người phải thi hành án (chị Phùng Thị H) chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí.

Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận chị Phùng Thị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005104 ngày 17/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lạng Sơn); nay chị Phùng Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự:.....;
- Lưu Toà, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường